

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-ST

Ngày: 28-8-2023

“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự”
(giữa NH TMCP SG Thương Tín và ông Khang)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng); địa chỉ: 2 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26/12/2022, Quyết định số: 3979/2022/QĐ-NS ngày 30/6/2022);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Minh Đ - Chức vụ: Trưởng Phòng G thuộc Chi nhánh V (Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00338, cấp ngày 25/12/2017 và Quyết định số: 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022; Quyết định số: 3999/2021/QĐ-NS ngày 30/9/2021)

Ông Đoàn Minh Đ ủy quyền lại cho: Ông Tô Đại N - Chức vụ: Phó Phòng G thuộc Chi nhánh V (Giấy ủy quyền số: 99/2023/GUQ-PGDH ngày 16/01/2023); địa chỉ: Số B, Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vinh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông **Lê Nguyên K**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số G, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2022 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Tô Đại N trình bày:

Ngày 12/7/2017, Ngân hàng có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 942533; điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với ông Lê Nguyên K để vay 15.000.000đồng;

ông K được cấp thẻ tín dụng số 356480-6367 thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả lãi mỗi tháng vào ngày cuối cùng của tháng, mỗi tháng trả nợ gốc 05%/tổng số tiền vay cuối kỳ; để thực hiện Hợp đồng ông K có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 31 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 31/7/2017; trong quá trình thực hiện Hợp đồng ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 28/8/2023 ông K còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 27.075.164đồng; nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Tô Đại N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông K trả 27.075.164đồng (trong đó: tiền gốc 17.919.836đồng, tiền lãi quá hạn 9.155.328đồng); Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi ông K trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Thẻ tín dụng số 356480-6367, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 942533, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do dù được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông N đại diện cho Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt; trong đơn ông N yêu cầu ông K trả nợ cho Ngân hàng, kèm theo bảng tóm tắt sao kê nợ quá hạn thẻ đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu ông K trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2023) là 27.075.164đồng (trong đó: tiền gốc 17.919.836đồng, tiền lãi quá hạn 9.155.328đồng); ông K vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K trả 27.075.164đồng, ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; ông K trú tại Số G, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 942533 với số thẻ 356480-6367 được ký giữa Ngân hàng và ông K, gắn liền địa chỉ Số G, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số

tiền 15.000.000đồng là có thật; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông K biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông K vẫn vắng mặt; ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông K trả tiền gốc 17.919.836đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông K trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2023) theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 9.155.328đồng, phù hợp Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Ngân hàng yêu cầu ông K trả 27.075.164đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 1.354.000đồng; hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc ông Lê Nguyên K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 27.075.164đồng (trong đó: tiền gốc 17.919.836 đồng, tiền lãi quá hạn 9.155.328đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480-6367 ngày 12/7/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Lê Nguyên K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.354.000đồng (một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng);

2.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0001763 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến